

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 8 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Hồng Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Nguyễn Việt Thắng

**- Thư ký phiên toà:** Ông Phan Việt Xô là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

*Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1964 (Có mặt);

Cùng cư trú: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T chung sống với nhau vào năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không có thiện chí hàn gắn trở lại. Do không còn tình cảm với ông T nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Phạm Diễm Hương, sinh năm 1991 và Phạm Hoàng Thảo, sinh năm 1995. Do các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông Phạm Văn T thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị L về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L, ông T đồng ý.

- Về con chung: Ông T thống nhất lời trình bày của bà L về con chung, không có ý kiến gì khác.

- Về tài sản chung: Ông T thống nhất lời trình bày của bà L về tài sản chung, không có ý kiến gì khác.

- Về nợ chung: Ông T thống nhất lời trình bày của bà L về nợ chung, không có ý kiến gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Phạm Diễm Hương, sinh năm 1991 và Phạm Hoàng Thảo, sinh năm 1995. Do cháu Hương, cháu Thảo đã thành niên, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà L và ông T thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà L và ông T thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.  
- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 02/8/2022 bà L đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005223 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyên thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Quyền kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Văn T có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Lê Thị Hồng Hà**